

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VINH PHÚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 17/2024/HS-PT

Ngày 24 - 01 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VINH PHÚC

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hà

Các Thẩm phán: Bà Phạm Thị Thúy Mai

Bà Lê Thị Bích Ngọc

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Ánh – Thư ký
Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa:
Bà Mầu Mai Quyên - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 175/2023/HS-PT ngày 20 tháng 11 năm 2023 do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 57/2023/HSST ngày 15 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc.

Bị cáo có kháng cáo:

Nguyễn Xuân T, sinh ngày 11/02/1975; nơi sinh và cư trú: Thôn N, xã Đ, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Xuân S (đã chết) và bà Trần Thị M; có vợ là Lưu Hồng O và có 03 con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tại Bản án hình sự phúc thẩm số: 630/2011/HSPT ngày 10/6/2011, Nguyễn Xuân T bị Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xử phạt 10 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội: “Làm giả tài liệu của cơ quan tổ chức”; bị cáo tại ngoại, (có mặt).

Ngoài ra, trong vụ án còn có bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có kháng cáo, không bị kháng nghị nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Xuân T là chủ thầu xây dựng, trong thời gian từ tháng 10 đến tháng 11 năm 2022, Nguyễn Xuân T nhận thầu xây dựng công trình nhà xưởng ở xã H, huyện T1, tỉnh Phú Thọ. T đã thuê anh Trần Văn Đ1 và anh Hoàng Văn L thi công công trình. Tính đến ngày 20/11/2022, T còn nợ tiền công thợ của anh L khoảng 100.000.000đ và nợ anh Đ1 khoảng 135.000.000đ. Anh L và anh Đ1 liên tục thúc giục T phải thanh toán tiền công cho các anh nếu không thanh toán thì các anh sẽ cho công nhân nghỉ làm đến khi T thanh toán tiền rồi mới làm tiếp. Do không có tiền để thanh toán cho anh L và anh Đ1 nên T đã xin khất nhưng anh L không đồng ý và ngày 22/11/2022, anh L đã cho công nhân nghỉ làm. Anh Đ1 cũng thông báo cho T biết ngày 23/11/2022, anh Đ1 cũng sẽ cho công nhân nghỉ làm nếu T không thanh toán tiền công.

Để có tiền trả công thợ cho anh L và anh Đ1, T biết anh Nguyễn Xuân X có cho thuê xe ô tô tự lái nên T đã nảy sinh ý định lừa hỏi thuê xe ô tô tự lái của anh X mục đích là để mang xe đi cầm cố lấy tiền trả công thợ cho anh Đ1 và anh L. T gọi điện thoại cho anh Trần Văn G là người ở thôn O1, xã T3, huyện M để hỏi về việc cầm cố xe ô tô. T được anh Ngà giới thiệu và cho số điện thoại của chị Vũ Thị N1 ở phường Đ3, thành phố Y là nhân viên của Ngân hàng SHB hướng dẫn làm thủ tục cầm cố xe. Do T chỉ có nhu cầu cần tiền gấp vài ba ngày nên T không muốn vay tiền Ngân hàng, anh Ngà tiếp tục giới thiệu và cho T số điện thoại của chị Phùng Thị P ở phường Q1, Y, Vĩnh Phúc để T tiếp tục liên hệ chỗ cầm cố xe.

Khoảng 08 giờ 00 phút ngày 23/11/2022, T gọi điện thoại cho anh X hỏi *“Xe có nhà không cho anh lấy xe anh đi”*. anh X hiểu ý nên trả lời T *“Xe em đang đi đăng kiểm, chiều xe em mới mang về được”*. Đến khoảng 10 giờ 00 phút cùng ngày, anh X thông báo cho T biết, xe của anh đã đăng kiểm xong. Khoảng 13 giờ 00 phút, T gọi điện thoại cho anh X để lấy xe. Lúc này, do anh X không ở nhà nên anh X nói với T là cứ đến nhà anh X thì chị Đào Thúy A (là vợ anh X) sẽ giao xe cho T.

T đến nhà anh X thì gặp chị A đang ở nhà, T nói với chị A về việc muốn thuê xe ô tô tự lái khoảng từ 06 đến 07 ngày. Chị A đồng ý và thống nhất với T giá thuê xe là 600.000đ/1 ngày, đồng thời giao cho T xe ô tô nhãn hiệu Toyota, loại Vios, màu sơn bạc, biển kiểm soát 88A - 160.39 cùng giấy tờ xe. Do trước đây T đã từng thuê xe của vợ chồng anh X nên vợ chồng anh X tin tưởng giao xe cho T mà không làm hợp đồng thuê xe ô tô với T.

Sau khi thuê được xe ô tô của vợ chồng anh X, T điều khiển xe về nhà rồi tự ý viết *“GIẤY BÁN XE”* đề ngày 15/3/2022 với nội dung: *“Anh X bán xe ô tô biển kiểm soát 88A- 160.39 cho T”*, T tự ký tên anh X ở mục người bán và T ký tên T ở mục người mua sau đó mang xe đi tìm nơi cầm cố. T gọi điện thoại cho chị P để hỏi chỗ cầm cố xe ô tô, chị P giới thiệu và cho T số điện thoại của chị

Đặng Thị Ánh N2 ở phường Q1 , thành phố Y. Tgọi điện thoại cho chị N2 đề hỏi cầm cố xe và chụp ảnh giấy bán xe do T tự viết gửi qua Zalo cho chị N2 đề chị N2 xem. Với hình ảnh Tgửi cho chị N2 , chị N2 chuyển tiếp hình ảnh đó qua Zalo cho anh Nguyễn Tuấn A1 ở thị trấn C, huyện B đề hỏi anh A1 có cầm cố xe ô tô không. Sau khi nhận được thông tin và hình ảnh của chị N2 gửi cho,anh A1 kiểm tra thông tin và đồng ý nhận cầm cố xe nên chị N2 đã gọi điện thoại lại cho T và bảo T liên hệ trực tiếp với anh A1 đề cầm cố xe đồng thời cho T số điện thoại của anh A1 đề T tự liên lạc. T điện thoại choanh A1 , hai bên thống nhất được việc cầm cố xe ô tô trên. Do vậy, T đã điều khiển xe ô tô củaanh X đến nhà anh A1 đề cầm cố. Tại đây, Tgặp ông Nguyễn Văn D1 là bố của anh A1 . Sau khi trao đổi với ông D1 về việc muốn cầm cố chiếc xe ô tô của anh X , ông D1 đã trao đổi qua điện thoại với anh A1 toàn bộ sự việc. Được sự đồng ý của anh A1 , ông D1 đã nhận cầm cố chiếc ô tô mà T đem đến hộ cho anh A1 . Tnói với ông D1 , chiếc xe ô tô T đem đến cầm cố là xe ô tô của T mua lại củaanh X nhưng chưa làm thủ tục sang tên, đồng thời đưa toàn bộ giấy tờ xe ô tô cho ông D1 xem, trong đó có giấy bán xe đề ngày 15/3/2022 do T tự viết. Ông D1 tin là thật nên gọi điện thoại choanh A1 thông báo các thông tin cần thiết về xe. Sau khi thấy xe đủ điều kiện đề nhận cầm cố,anh A1 đã thỏa thuận thống nhất với Tnhận cầm cố chiếc xe ô tô trên với giá 80.000.000đ (Tám mươi triệu đồng), lãi suất là 1.500đ/1.000.000đ/1ngày; thời gian cầm cố trên dưới khoảng một tuần.

Đề đảm bảo nghĩa vụ trả nợ của T, ông D1 yêu cầu T phải viết giấy bán xe ô tô biển kiểm soát 88A -160.39 củaanh X choanh A1 đề ngày 23/11/2022 rồi đưa cho ông D1 lưu giữ cùng xe ô tô và kèm theo các giấy tờ khác của xe ô tô. Sau khi hoàn tất việc cầm cố xe,anh A1 đã chuyển khoản cho Tđủ số tiền 80.000.000đ (Tám mươi triệu đồng) vào số tài khoản 9999197599999 của Tmở tại Ngân hàng TMCP Quân đội là với nội dung chuyển khoản: “*trả tiền mua xe 88A - 160.39*”. Sau khi nhận được tiền củaanh A1 , Tđã chuyển khoản trả cho anh Đ1 50.000.000đ và trả cho anh L 20.000.000đ. Sau khi nhận được tiền của T, anh L yêu cầu T phải trả thêm cho anh L tiền thì anh L mới tiếp tục cho công nhân làm. Do vậy sáng ngày 24/11/2022, T gọi điện thoại choanh A1 hỏi lấy thêm 20.000.000đ, anh A1 đồng ý và chuyển khoản tiếp cho T thêm 20.000.000đ. Tổng số tiền Tcầm cố xe ô tô của vợ chồng anh X là 100.000.000đ. Nhận được tiền của anh A1 chuyển khoản cho thêm, T tiếp tục trả nợ cho anh L thêm 20.000.000đ, số tiền 10.000.000đ còn lại T đã chi tiêu cá nhân hết.

Đến ngày hẹn trả xe, do không thấy Tđem xe đến trả nên anh X đã nhiều lần gọi điện thoại yêu cầu T đem xe về trả cho anh X nhưng vì T đã đem xe của anh X đi cầm cố chưa có tiền chuộc lại nên Tđã nói dóianh X là Tđang sử dụng xe ô tô đi công trình ở huyện T1, tỉnh Phú Thọ chưa về. Đến tối ngày 02/12/2022,anh X tiếp tục gọi điện thoại yêu cầu Tmang xe về trả cho anh thì

Tnói dối quanh. Biết không giấu được anh X , Tđã chủ động đến gặpanh X và nói lại toàn bộ sự việc cầm cố xe choanh X biết.anh X yêu cầu Tđưa anh X đến chỗ T cầm cố xe, khoảng 20 giờ 00 phút cùng ngày, Tđưa anh X đến nhà anh A1 . Tại đây, Tvà anh X gặp ông D1 ,anh X đã nói cho ông D1 biết toàn bộ sự việc T thuê xe tự lái của anh sau đó đem đến nhà ông D1 cầm cố. Ông D1 đã thông báo lại sự việc cho anh A1 biết, sau khi biết anh A1 đã điều khiển xe ô tô của anh X đi đến Công an huyện B để trình báo. Trên đường đi,anh A1 nói với ông D1 yêu cầu T viết lại giấy bán xe nội dung giống như tờ giấy anh X cầm, nhưng thay đổi người mua là ông Nguyễn Văn D1và viết vào ngày 23/11/2022 nhưng Tghi nhầm là ngày 23/11/2012 rồi đưa cho ông D1 lưu giữ. Do sự việc không thuộc thẩm quyền của Công an huyện B nên Công an huyện B từ chối tiếp nhận sự việc và hướng dẫn anh A1 đến trình báo tại Công an huyện Y. Do bị T lừa nên anh X đến Công an huyện Y để trình báo sự việc.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số: 42/2022/KL-HĐĐGTS ngày 21/12/2022, của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Y kết luận: *Xe ô tô biển kiểm soát 88A – 160.39, nhãn hiệu Toyota, số loại Vios E, màu sơn bạc có giá 140.000.000đ (Một trăm bốn mươi triệu đồng).*

Tại bản Kết luận giám định số: 484/KL - KTHS ngày 02/3/2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Vĩnh Phúc kết luận:

Chữ ký, chữ viết trên các mẫu cần giám định ký hiệu ký hiệu A1, A2 so với chữ ký, chữ viết của Nguyễn Xuân T trên các mẫu so sánh ký hiệu M1, M2, M3 là do cùng một người ký, viết ra.

Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, Nguyễn Xuân T đã bồi thường cho anh Nguyễn Xuân X 15.500.000đ tiền thuê xe, tiền xe bị tạm giữ không kinh doanh.anh X xác nhận, đã nhận đủ số tiền trên. Sau khi nhận tiền, anh X không có yêu cầu gì khác. Tại phiên tòa, anh X có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho T.

Với hành vi phạm tội nêu trên, tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 57/2023/HSST ngày 15/9/2023, Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc đã quyết định: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Xuân T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 174; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Xử phạt Nguyễn Xuân T 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt đi thi hành án.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và tuyên quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 25/9/2023 bị cáo Nguyễn Xuân T kháng cáo xin được hưởng án treo. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Tgiữ nguyên kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa đã phát biểu quan điểm, phân tích tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo đã đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Xuân T sửa bản án sơ thẩm số: 57/2023/HSST ngày 15/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc theo hướng giữ nguyên hình phạt nhưng cho bị cáo được hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hình thức: Đơn kháng cáo của bị cáo Nguyễn Xuân T làm trong hạn luật định, hợp lệ được xem xét giải quyết.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng: Quá trình điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Về nội dung: Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Nguyễn Xuân T đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, có đủ căn cứ để xác định như sau: Do không có tiền trả tiền công thợ nên ngày 23/11/2022, Nguyễn Xuân T đã nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt của vợ chồng anh Nguyễn Xuân X chiếc xe ô tô biển kiểm soát 88A - 160.39 bằng hình thức hỏi thuê xe tự lái sau đó đem đi cầm cố lấy tiền trả nợ và tiêu sài cá nhân. Tại bản Kết luận định giá tài sản số: 42/2019/KL-HĐĐGTS ngày 21/12/2022, của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Y kết luận: Xe ô tô biển kiểm soát 88A - 160.39, nhãn hiệu Toyota, số loại Vios E, màu sơn bạc có giá 140.000.000đ (Một trăm bốn mươi triệu đồng).

Như vậy, có đủ cơ sở xác định cấp sơ thẩm điều tra, truy tố, xét xử bị cáo Nguyễn Xuân T về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự, là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Xét kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo Nguyễn Xuân T, Hội đồng xét xử thấy rằng: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây bất bình trong dư luận quần chúng nhân dân, ảnh hưởng xấu tới tình hình an ninh chính trị tại địa phương. Vì vậy, cần phải xử lý bị cáo trước pháp luật mới có tác dụng răn đe, giáo dục riêng và phòng ngừa chung. Với tính chất, mức

độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và quyết định mức hình phạt 02 năm 06 tháng tù đối với bị cáo là có căn cứ. Tuy nhiên, quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm bị cáo Tđều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, sau khi sự việc xảy ra bị cáo đã khắc phục hậu quả và bồi thường cho bị hại, bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo cung cấp đơn xin xác nhận về hoàn cảnh gia đình khó khăn, bị cáo là lao động chính trong gia đình, hiện nay bị cáo phải nuôi dưỡng mẹ già thường xuyên ốm đau và 03 con còn nhỏ, có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã Đ đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Do bị cáo được áp dụng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, không bị áp dụng tình tiết tăng nặng nào nên đáng được hưởng khoan hồng của pháp luật và có đủ điều kiện để hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 Bộ luật Hình sự. Do đó, cần chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Xuân T , sửa bản án sơ thẩm theo hướng cho bị cáo được hưởng án treo.

[5] Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo, sửa bản án sơ thẩm theo hướng cho bị cáo được hưởng án treo là phù hợp quy định của pháp luật cần được chấp nhận.

[6] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[7] Án phí hình sự phúc thẩm: Kháng cáo của bị cáo Nguyễn Xuân T được chấp nhận nên bị cáo không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Xuân T , sửa bản án sơ thẩm số 57/2023/HSST ngày 15 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc về biện pháp chấp hành hình phạt

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt Nguyễn Xuân T 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 (Năm) năm, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Xuân T cho Ủy ban nhân dân xã Đ , huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc giám sát giáo dục trong thời gian thử thách của án treo. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của Luật thi hành án Hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo nếu có ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bị cáo Nguyễn Xuân T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND huyện Y;
- TAND huyện Y;
- Công an huyện Y;
- UBND xã Đ , huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc;
- Chi cục THADS huyện Y;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ + Toà Hình sự.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(đã ký)

Nguyễn Thị Thu Hà

Các Thẩm phán

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Duy Sơn

Đỗ Anh Cường

2/ Đặng Quốc Hưng, sinh ngày 11/02/1994; sinh trú quán: Khu II Tiên, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đặng Trọng Cường và bà Phạm Thị Kim Dung; vợ, con chưa có; tiền sự: Không; Tiền án: Có 01 tiền án, tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 09/2019/HSST ngày 25/3/2019, Đặng Quốc Hưng bị Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xử phạt 20.000.000 đồng về tội “Đánh bạc”, đã chấp hành số tiền xử phạt và án phí ngày 20/5/2019; bị cáo bị bắt bị tạm giữ từ ngày 30/6/2019 đến ngày 09/7/2019 được tại ngoại (Có mặt).